

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019**  
**VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

**PHẦN 1**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019**

**1. Tình hình kinh tế xã hội năm 2019.**

Năm 2019, nông nghiệp đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như Dịch tả lợn Châu Phi xâm nhiễm và lan rộng trên cả nước, gây thiệt hại chưa từng có đối với ngành chăn nuôi; tác động của biến đổi khí hậu dẫn đến các hình thái thời tiết cực đoan xảy ra bất thường, hạn hán, lũ lụt, cháy rừng, sạt lở, xâm nhập mặn mức độ nghiêm trọng hơn; tác động từ chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn, làm cho sản xuất, xuất nhập khẩu nông sản chủ lực luôn đứng trước những rủi ro, nhiều quy định mới về truy xuất nguồn gốc xuất xứ, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm ngày càng cao hơn.

Năm 2019 tiếp tục là một năm đầy khó khăn với Công ty. Bên cạnh những khó khăn chung của nền kinh tế nêu trên, một số khó khăn đặc thù của ngành sản xuất lúa mì như giá lúa biến động tăng giá mạnh, giá bán bột ở mức thấp trong thời gian dài. 6 tháng đầu năm, với giá lúa tồn kho cao, cạnh tranh khốc liệt nên kết quả kinh doanh không thuận lợi. Là một doanh nghiệp sản xuất phải chịu chi phí khấu hao hơn 12 tỷ/năm và chi phí lương hơn 10 tỷ/năm nên áp lực có đơn hàng, có việc làm là vô cùng lớn với Ban lãnh đạo Công ty. Đôi khi phải chấp nhận các đơn hàng không có lợi nhuận để duy trì việc làm, rất may là 6 tháng cuối năm giá bán bột có điều chỉnh tăng cộng với tìm được nguồn lúa có giá hợp lý nên đem lại kết quả có lợi nhuận chung cho cả năm.

**2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019:**

**2.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

TT	Chỉ tiêu chính	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện so với kế hoạch %
1	Tổng lượng mua vào	Tấn	74.944	90.000	83%
2	Tổng giá trị mua vào	Tr.đồng	528.756	599.500	88%
3	Tổng lượng bán ra	Tấn	78.237	90.000	87%
3.1	Tr. đó: Gạo	Tấn	13.987	10.000	140%

TT	Chỉ tiêu chính	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện so với kế hoạch %
3.2	Bột	Tấn	46.870	56.250	83%
3.3	Lúa, khác	Tấn	17.380	23.750	73%
4	Tổng doanh thu	Tr.đồng	613.590	705.400	87%
4.1	Tr.đó: Doanh thu gạo	Tr.đồng	109.642	79.000	139%
4.2	Doanh thu bột	Tr.đồng	409.446	497.813	82%
4.3	Doanh thu, TN khác	Tr.đồng	94.502	128.587	73%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	2.488	10.250	24%
6	Nộp Ngân sách	Tr.đồng	39.737	31.630	126%

## 2.2. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình hoạt động:

### 2.2.1. Thuận lợi:

- Doanh thu bán hàng 6 tháng đầu năm chiếm 61,5% doanh thu cả năm 2019 cho thấy lượng nguyên liệu tồn kho đã giúp Công ty chủ động trong kế hoạch sản xuất và làm tốt công tác chuẩn bị nguồn nguyên liệu để đáp ứng nhu cầu sản xuất trong 6 tháng đầu năm 2019.

- Công nợ phải thu đã được nỗ lực đôn đốc, thu hồi công nợ, giúp cho Công ty giảm dần được số dư nợ quá hạn phải thu, trả nợ ngân hàng, tiết kiệm được chi phí lãi vay;

- Công tác cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức và hoạt động của Nhà máy Hưng Quang đang tiếp tục triển khai. Kho bãi cho thuê, người lao động có năng lực và nhu cầu ra Hải Phòng giúp giảm áp lực thiếu lao động tại Nhà máy Bảo Phước.

- Duy trì mối quan hệ với 3 tổ chức tín dụng có uy tín giúp có được nguồn tài chính ổn định, đảm bảo tính cạnh tranh về lãi suất vay.

- Hoạt động cung ứng gạo xuất khẩu cho Tổng công ty Lương thực miền Bắc cũng đóng góp không nhỏ vào doanh số và lợi nhuận kinh doanh, giúp đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa mặt hàng.

### 2.2.2. Khó khăn:

- Sự thay đổi nguồn cung ứng nguyên liệu khiến chất lượng bột chưa ổn định. Tỷ lệ thành phẩm thu hồi từ các loại lúa mới cũng kém hơn do độ ẩm, tạp chất cao hơn lúa Úc.

- Dịch tả lợn Châu Phi khiến việc tiêu thụ cám khó khăn, giá thấp ảnh hưởng đến giá thành của bột.

- Thường xuyên thiếu hụt lao động: Do nhà máy Bảo Phước nằm trong khu vực Khu công nghiệp có nhiều nhà máy sản xuất. Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng lương đi kèm với các chính sách quan tâm đến người lao động để giữ chân và thu hút thêm lao động cho nhà máy.

### 2.2.3. Nguyên nhân dẫn đến việc giảm lợi nhuận trước thuế năm 2019 so với năm 2018 và giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD trong năm 2020.

Sản xuất kinh doanh năm 2019 so với năm 2018 có một số chỉ tiêu chính như sau: Doanh thu bột tăng 25.684 triệu, lượng bột bán ra giảm 2.200 tấn, tổng giá vốn bột tăng 27.357 triệu, chi phí bán hàng tăng 868 triệu. Từ những thuận lợi khó khăn đã nêu trong quá trình hoạt động năm 2019, ngoài ra còn có nguyên nhân do giá lúa năm 2018 tăng đều từ đầu năm đến cuối năm trong khi tồn kho lúa đầu năm cao với giá thấp do đó Công ty có được giá thành thấp, trong khi giá lúa năm 2019 tăng giảm khó lường (giá lúa đầu năm 2019 cao hơn giá lúa bình quân năm 2018 nên giá vốn năm 2019 tăng), đồng thời máy móc thiết bị đã sử dụng lâu năm, dây chuyền 2 thiết bị của Trung Quốc phải sửa chữa nhiều.

## PHẦN 2

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

#### 1. Tình hình chung:

Năm 2020 mở ra với đại dịch virus chủng mới Covid-19, tác động xấu tới mọi góc ngách cuộc sống, từng gia đình và giáng đòn mạnh và sức sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Đây có lẽ là ảnh hưởng tiêu cực nhất trong đầu năm và dự kiến kéo dài trong nhiều tháng tới. Học sinh, sinh viên nghỉ học khiến lượng bột cao cấp giảm mạnh, có nhà phân phối sụt giảm đến 80% sản lượng bán ra. Giá cước vận tải lúa nhập khẩu tăng cao bởi khan hiếm vỏ công, tàu biển do chờ giải phóng hàng tại Trung Quốc, Hàn Quốc. Các đối thủ miền Nam tiếp tục đưa hàng ra thị trường phía Bắc không chỉ bột mà cả cám mỳ. Giải pháp khai thác vận hành Nhà máy Hưng Quang chưa tối ưu bởi vướng các hướng dẫn pháp lý về khai thác sử dụng nguồn lực đất đai tại đây. Những khó khăn cơ bản trên đã tác động tiêu cực đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty ngay từ những tháng đầu tiên của năm.

#### 2. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Căn cứ theo đánh giá và dự báo của Nhà nước về tình hình dịch bệnh và các tác động đối với tình hình kinh tế xã hội của Việt Nam, căn cứ những thuận lợi và khó khăn nội tại của đơn vị, Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood1 xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 trên cơ sở nỗ lực khai thác những điểm thuận lợi, khắc phục khó khăn trên tinh thần lạc quan nhưng thận trọng, với một số chỉ tiêu chính như sau:

TT	Chỉ tiêu chính	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
1	Tổng lượng mua vào	Tấn	71.000	
2	Tổng giá trị mua vào	Tr.đồng	495.800	
3	Tổng lượng bán ra	Tấn	71.000	
3.1	Tr. đó: Gạo	Tấn	5.000	
3.2	Bột	Tấn	48.000	

TT	Chỉ tiêu chính	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
3.3	Lúa, cám, khác	Tấn	18.000	
4	Tổng doanh thu	Tr.đồng	562.700	
4.1	Tr.đó: Doanh thu gạo	Tr.đồng	40.250	
4.2	Doanh thu bột	Tr.đồng	423.140	
4.3	Doanh thu, TN khác	Tr.đồng	99.310	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	2.900	
6	Nộp Ngân sách	Tr.đồng	40.395	
7	Thu nhập người lao động	Tr.đ/người/tháng	7,5	
8	Cổ tức (dự kiến 50% LNST)	Tr.đồng	1.450	

### 3. Nhận định tình hình năm 2020

#### 3.1 Thuận lợi

- Công ty đã có ba năm hoạt động với mô hình cổ phần nên phần nào đã quen với môi trường cạnh tranh khốc liệt. Một số sản phẩm dần khẳng định chỗ đứng trên thị trường với thương hiệu Hồng Yến, Phượng Hoàng Xanh.

- Tiếp tục duy trì lượng khách hàng thân thiết và từng bước mở rộng sang phân khúc bột cao cấp. Duy trì mạng lưới nhà cung cấp vật tư, nguyên liệu, vận tải tin cậy với giá cả luôn cạnh tranh.

- Nếu năm 2020, dịch bệnh được khống chế hoàn toàn, chăn nuôi lợn được hồi phục sẽ giúp đẩy mạnh tiêu thụ nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, sẽ giúp thúc đẩy sản lượng tiêu thụ cám phụ phẩm.

- Đến hết tháng 2/2020, Công ty đã ký được các hợp đồng mua lúa mỳ nguyên liệu, tổng lượng: 17.400 tấn bổ sung vào lượng lúa tồn kho, chủ động đáp ứng được kế hoạch sản xuất 06 tháng đầu năm.

#### 3.2 Khó khăn

- Dịch bệnh phát sinh những tháng đầu năm 2020 đã làm ảnh hưởng lớn đến sản lượng bột mì tiêu thụ trong Quý 1 của Công ty. Việc học sinh nghỉ học kéo dài, hủy bỏ các hoạt động lễ hội sau Tết Nguyên Đán Canh Tí làm giảm nhu cầu bột mì sản xuất bánh mì và bột mì phục vụ các làng nghề sản xuất sản phẩm bánh kẹo truyền thống phục vụ lễ hội.

- Do tiêu thụ sụt giảm ảnh hưởng đến sản xuất của hầu hết các nhà máy nên các đối thủ liên tục đưa ra các chính sách khuyến mại, giảm giá để giành giật thị phần cùng với làn sóng bột từ miền Nam ra khiến giá bột giảm ngay từ những tháng đầu năm. Ngoài ra, việc mở rộng công suất lên 500 tấn/ngày của VIMA và mở nhà máy mới tại Hưng Yên của UNI cũng là những khó khăn, thách thức lớn.

- Công ty đang gặp khó khăn khi mua vật tư thiết bị thay thế cho dây chuyền 2 do gián đoạn chuỗi cung ứng sản phẩm hàng hóa từ Trung Quốc. Công nghệ phối trộn lúa hiện đã lạc hậu so với công nghệ phối trộn bột của các đối thủ.

- Tài sản kho tàng tại Nhà máy Hưng Quang khai thác đã lâu xuống cấp, hỏng hóc, một số khách thuê hiện đã trả lại tài sản.

- Giá lúa tăng cao do cước giá vận tải tăng, cơ hội mua lúa hàng sá ngày càng ít buộc công ty phải mua nguyên liệu hàng container với chi phí cao hơn và chất lượng kém ổn định hơn. Việc kho chứa hạn chế nên Công ty không thể nhập số lượng lớn ảnh hưởng đến chi phí và chất lượng ổn định của nguyên liệu, làm giảm hiệu quả kinh doanh.

- Công nợ trả chậm là đặc thù của ngành kinh doanh bột mì nhưng cũng là vấn đề mà Công ty cần tập trung xử lý. Việc cân đối được lợi ích của việc thúc đẩy sản lượng tiêu thụ và đơn đốc thu hồi công nợ kịp thời hiện vẫn đang là bài toán khó cần giải quyết.

- Hệ thống kho chứa nguyên liệu thành phẩm chưa được nâng cấp khiến bảo quản gặp nhiều khó khăn nên chất lượng lúa nguyên liệu nhanh bị xuống cấp.

#### **4. Một số giải pháp để thực hiện mục tiêu đề ra**

##### **4.1 Công tác mua nguyên liệu**

Tìm kiếm nguồn nguyên liệu mới phù hợp với sản xuất, giảm giá thành để tăng sức cạnh tranh. Cuối năm 2019, Công ty đã sử dụng nguồn lúa Mỹ sau nhiều năm gián đoạn và sang năm 2020 lần đầu tiên thử nghiệm một loại lúa mới từ Canada.

##### **4.2 Công tác bán hàng**

- Nâng sản lượng bán hàng cao cấp lên 800-1.000 tấn/ tháng. Mở rộng sang phân khúc bột bán vào các nhà máy thức ăn chăn nuôi khi mảng chăn nuôi trong nước có dấu hiệu phục hồi.

- Đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hóa mặt hàng kinh doanh là xu thế hiện nay. Công ty tiếp tục xây dựng kế hoạch cung ứng gạo xuất khẩu cho Tổng công ty Lương thực miền Bắc và đề xuất được giao chỉ tiêu cung ứng gạo giúp góp phần tăng doanh số, tăng lợi nhuận cho Công ty.

##### **4.3 Công tác sản xuất, đầu tư**

- Duy trì ổn định chất lượng sản phẩm, cải tạo công nghệ sản xuất để đa dạng dải sản phẩm có giá thành cạnh tranh hơn trên thị trường.

- Triển khai việc sửa chữa hệ thống kho bãi tại Nhà máy Hưng Quang để nhanh chóng đưa các tài sản tại đây vào khai thác cho thuê nhằm tăng thêm nguồn thu cho Công ty.

- Sửa chữa hệ thống kho chứa thành phẩm, đầu tư hệ thống silo chứa nguyên liệu, hệ thống trộn bột thành phẩm, nâng cấp dây chuyền 1 từ thiết bị chuyển từ Nhà máy Hưng Quang từ 140 tấn/ ngày lên 220 tấn/ ngày, nguồn vốn đầu tư dự kiến từ vốn vay dài hạn và tài trợ một phần từ quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

#### 4.4 Công tác tài chính kế toán

Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, kiểm tra, hướng dẫn công tác kế toán tại các nhà máy. Đổi mới công tác kế toán để tối ưu hóa công việc, kịp thời cung cấp, báo cáo số liệu đáp ứng yêu cầu của quản lý và kinh doanh. Theo dõi đôn đốc thu hồi công nợ khách hàng, giảm vốn bị khách hàng chiếm dụng vốn. Hoàn thiện phần mềm kế toán. Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ để nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận kế toán.

#### 4.5. Công tác tổ chức lao động

Hoàn thành thang bảng lương mới cho doanh nghiệp. Tuyển dụng nhân sự có trình độ tay nghề, sắp xếp lại lao động trong Nhà máy Hưng Quang.

### KẾT LUẬN

Trên đây là báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn! *W/SH*

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
THÀNH VIÊN HĐQT



*[Signature]*  
GIÁM ĐỐC

Phùng Thanh Long